

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thắng,
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND huyện Nông Cống về việc phê duyệt nhiệm vụ dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống đến năm 2030; Văn bản số 9756/SXD-QH ngày 27/12/2021 của Sở xây dựng về việc ý kiến về hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 10/TĐ-KTHT ngày 21/02/2022 về quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống đến năm 2030.

b. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

Vạn Thắng là xã nằm về phía Tây huyện Nông Cống, với đường QL45 chạy qua, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 3,5 km, có diện tích tự nhiên 931,86 ha; ranh giới hành chính tiếp giáp:

- + Phía Bắc giáp xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh.
- + Phía Nam giáp xã Thăng Long, huyện Nông Cống và xã Yên Thọ huyện Như Thanh.
- + Phía Đông giáp xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống
- + Phía Tây giáp xã Yên Thọ, thị trấn Bến Sung huyện Như Thanh

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

a) Mục tiêu: Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 01/7/2021.

b) Tính chất chức năng của xã: Quy hoạch xây dựng xã Vạn Thắng là quy hoạch xây dựng nông thôn; Chức năng chủ đạo của xã:

- Là khu vực có nhiều thế mạnh trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chất lượng cao đặc biệt là lúa gạo, rau màu.
- Là khu vực phát triển nhanh, bền vững theo hướng tăng trưởng xanh phát triển đa ngành, lấy công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hóa là định hướng phát triển.

3. Quy mô dân số, lao động; Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng đến tháng 12/2020: Khoảng 7.591 người.
- Đến năm 2025: khoảng 8.616 người, tỷ lệ tăng dân số khoảng 1,5%/năm.
- Đến năm 2030: khoảng 9.750 người, tỷ lệ tăng dân số khoảng 2,5%/năm.

3.1.2. Quy mô lao động

- Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 5.169 người)
- Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 65% dân số toàn xã (khoảng 6.338 người)

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

* Về sử dụng đất:

- Bình quân đất xây dựng: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất ở: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất cây xanh công cộng và dịch vụ: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: $5-6 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: $4-5 \text{ m}^2/\text{người}$).

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

*** Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:**

- Cấp nước sinh hoạt: $\geq 60 \text{ lít/người/ngày-đêm}$;
- Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người/ngày/đêm}$; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;
- Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: $0,9 \text{ kg rác}/\text{người/ngày/đêm}$. *(lấy theo chỉ tiêu đô thị loại V)*.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã:

Vị trí thôn Giản Hiền hướng kết nối ra đường QL 45, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, bưu điện, trường học, trạm y tế ...

4.2. Các khu dân cư tập trung:

Chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

4.3. Các khu vực sản xuất nông nghiệp:

Diện tích bao gồm tất cả các thôn, tập trung hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, rau an toàn, các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, khu trang trại.....

4.4. Khu vực trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Tổng diện tích khoảng 112 ha

4.5. Khu vực sản xuất kinh doanh:

- Phát triển các khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ dọc theo các tuyến đường liên xã, trục xã và các tuyến đường thôn hiện có và các khu vực mới dọc theo trục đường từ QL45 đi đường nối Vạn Thiện – Bến En và tuyến đường từ QL45 đi thôn Quỳ Thắng.

- Loại hình: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và hộ cá thể; các cửa hàng, điểm bán hàng và hợp tác xã.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ. Nằm trên trục đường chính quan trọng của xã thuộc thôn Giản Hiền hướng kết nối ra tuyến đường Quốc lộ 45, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế...

Xét khả năng quỹ đất thuận lợi cho xây dựng trung tâm quy mô khoảng 20 ha, trong phạm vi này bao gồm đầy đủ các công trình như: Công sở; Trụ sở Công an xã, ban chỉ huy quân sự, khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao, chợ, trạm y tế, bưu điện, đài tưởng niệm và các công trình về giáo dục.

+ Quy hoạch mới sân vận động trung tâm xã; quy mô đảm bảo theo quy định tại hướng dẫn số 2587 của Sở Văn hoá thể thao & Du lịch

+ Quy hoạch mới trụ sở công an xã theo nhu cầu đăng ký sử dụng đất của ngành Công an;

+ Quy hoạch trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp;

+ Quy hoạch đất y tế (phòng khám đa khoa)

+ Quy hoạch đất dành cho sự nghiệp giáo dục để đảm bảo quy mô khuôn viên các trường phục vụ nhu cầu dạy và học.

Việc quy hoạch sắp xếp lại khu vực trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối ngoại, cũng như đối nội đồng thời đảm bảo phục vụ cho người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

5.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới

- Trên địa bàn xã hiện nay có 9 thôn, về cơ bản tuân thủ và giữ nguyên theo hiện trạng theo hình thái ở này bởi nó là sự phản ánh cả quá trình lịch sử của địa phương, là sự phù hợp nhất đã được chắt lọc qua nhiều thế hệ, không can thiệp thô bạo làm biến đổi hình thái ở này, gìn giữ bản sắc kiến trúc của địa phương.

- Để phục vụ nhu cầu về đất ở đáp ứng sự gia tăng dân số cần xây dựng thêm các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, các điểm xen cư trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng suất thấp; trên cơ sở đó theo các giai đoạn được xác định như sau:

+ Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025: Trong giai đoạn này bố trí một số điểm dân cư mới với tổng diện tích khoảng 8,97 ha; trong đó tập trung đầu tư khu dân cư mới tại các khu vực phía Đông sân thể thao thôn Đông Tài (1,41 ha); phía Đông Nhà văn hoá thôn Quyết Thắng (1,58 ha); Phía Đông trụ sở Công an mới (5,98 ha)

+ Giai đoạn dài hạn sau năm 2025 đến 2030: Giai đoạn này không gian và hạ tầng đã tương đối ổn định, bố trí thêm 6,43 ha đất khu dân cư mới ở các khu vực sau: Khu vực Đồng Lốc, thôn Đông Tài (3,54 ha); Khu vực Năm Tấn, thôn Đông Tài (2,89 ha);

Các khu dân cư xây dựng mới phải được xây dựng đồng bộ, có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Định hướng khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề:

* Cụm công nghiệp:

- Phát triển cụm công nghiệp Vạn Thắng tại khu vực thôn Đông Tài
- Quy mô diện tích: 28,71 ha
- Giao thông kết nối: QL45 và tuyến nối Am Tiên – Bến En

* Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Phát triển khu làng nghề truyền thống tại thôn Quyết Thắng, khoảng 22,1 ha.
- Ngành nghề: Sản xuất Hương Bài và đan coi trâu
- Quy mô diện tích: Toàn bộ diện tích khu dân cư thôn Quyết Thắng.
- Giao thông kết nối: QL45; Đường từ QL45 đi ĐH.NC-09

b) Định hướng khu vực sản xuất kinh doanh:

Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2030, xây dựng mới khu sản xuất kinh doanh tại khu vực phía Bắc kênh tiêu Dân Quân thuộc thôn Quyết Thắng và thôn Giản Hiền với quy mô diện tích khoảng 20,0 ha nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hút đầu tư, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, nâng cao thu nhập. Ngoài ra, bố trí các điểm sản xuất kinh doanh tại khu vực Đồng Mạ (thôn Quyết Thắng) với diện tích 0,3 ha và cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc thôn Đông Tài với quy mô 0,55 ha.

c) Định hướng khu vực dịch vụ:

Quy hoạch khu dịch vụ thương mại tại khu vực phía Tây Chợ xã, quy mô diện tích khoảng 1,87 ha. Bố trí thành khu tập trung, xây dựng đầy đủ hạ tầng phục vụ phát triển thương mại, dịch vụ, là trung tâm giao thương, buôn bán và kết nối của toàn thể nhân dân trong xã, các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, quy hoạch các điểm thương mại, dịch vụ tại thôn Giản Hiền (0,08 ha); thôn Quyết Thắng (0,15 ha) và xây dựng trụ sở Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn Giản Hiền (0,18 ha).

Xây dựng các cửa hàng thân thiện thu hút khách tạo thành điểm dừng nghỉ chân tin cậy cho các loại phương tiện trên tuyến QL 45.

d) Định hướng khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

* Khu vực Trường thôn:

- Chức năng chính: sản xuất lúa tập trung
- Diện tích: 19,5 ha.

* Khu vực Nhuệ Thôn:

- Chức năng chính: sản xuất lúa tập trung.
- Diện tích: 21,0 ha
- * Khu vực Nam QL45:
 - Chức năng chính: sản xuất lúa tập trung.
 - Diện tích: 220,0 ha.
- * Khu vực bãi bồi ven sông Yên:
 - Chức năng chính: sản xuất rau an toàn, rau màu tập trung.
 - Diện tích: 24,5 ha.
- * Khu vực phía Bắc Sông Yên đến giáp đường ĐH.NC-09:
 - Chức năng chính: chăn nuôi đại gia súc.
 - Loại hình: Chăn nuôi tập trung.
- * Khu vực phát triển trang trại tổng hợp.
 - Chức năng chính: sản xuất nông nghiệp theo hình thức trang trại.
 - Tổng diện tích: 11,9 ha, bao gồm 4 khu vực ở các thôn: Lăng Thôn, Quý Thăng, Quyết Thăng.

e) Định hướng phát triển các công trình công cộng, dịch vụ:

STT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Nhu cầu quy hoạch đến năm 2030				
		Vị trí	DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Diện tích quy hoạch (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
I	Công trình trong Khu trung tâm xã							
1	Công sở UBND xã	Thôn Giản Hiền	2.916,0	Giữ nguyên	2.916	1-3	≤40	≥20
2	Nhà văn hoá đa năng	Nằm trong UBND xã		Giữ nguyên	0			
3	Tượng đài liệt sỹ	Thôn Phố Mới	2.408,0	Giữ nguyên	2.408	1-2	≤15	≥30
4	Bưu điện văn hoá xã	Thôn Phố Mới	272,0	Giữ nguyên	272	1-3	≤70	≥10
5	Trạm y tế xã	Thôn Giản Hiền	2.664,0	Giữ nguyên	2.664	1-3	≤40	≥30
6	Phòng khám đa khoa	Thôn Giản Hiền		Quy hoạch mới	10.000	1-3	≤40	≥30
7	Trường mầm non	Thôn Phố Mới	1.617,0	Giữ nguyên	1.617	1-3	≤40	≥30
8	Đất dành cho sự nghiệp giáo dục	Thôn Giản Hiền		Quy hoạch mới	10.000	1-3	≤40	≥30
9	Trường tiểu học	Thôn Giản Hiền	6.795,0	Giữ nguyên	6.795	1-3	≤40	≥30
10	Trường THCS	Thôn Giản Hiền	8.996,0	Giữ nguyên	8.996	1-3	≤40	≥30
11	Sân vận động trung tâm	Thôn Giản Hiền		Quy hoạch mới	13.000			
12	Chợ xã	Thôn Phố Mới	4.294,0	Giữ nguyên	4.294	1-3	≤40	≥10

STT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Nhu cầu quy hoạch đến năm 2030				
		Vị trí	DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Diện tích quy hoạch (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
13	Hạ tầng viễn thông thụ động	Thôn Tân Sơn; Thôn Giản Hiên; Thôn Phố Mới		Giữ nguyên hiện trạng				
14	Trụ sở Công an xã	Thôn Giản Hiên		Quy hoạch mới	1.800	1-3	≤40	
15	Trụ sở HTX DVNN	Thôn Giản Hiên		Quy hoạch mới	1.800	1-2	≤40	
II	Công trình ngoài khu trung tâm							
1	Khu văn hoá, thể thao thôn							
-	Đông Tài		1.500,0	Giữ nguyên	1.500	1	≤30	≥40
-	Ban Thọ		2.500,0	Giữ nguyên	2.500	1	≤30	≥40
-	Quý Thắng		400,0	Giữ nguyên	400	1	≤30	≥40
-	Lãng Thôn		300,0	Giữ nguyên	300	1	≤30	≥40
-	Tân Sơn 1		720,0	Quy hoạch mới	4.000	1	≤30	≥40
-	Tân Sơn 2		500,0					
-	Giản Hiên		670,0	Giữ nguyên	670	1	≤30	≥40
-	Quyết Thắng		2.500,0	Giữ nguyên	2.500	1	≤30	≥40
-	Nhuệ Thôn		1.500,0	Giữ nguyên	1.500	1	≤30	≥40
-	Phố Mới		500,0	Giữ nguyên	500	1	≤30	≥40
2	Sân thể thao thôn							
-	Đông Tài		1.000,0	Giữ nguyên	1.000			
-	Ban Thọ		1.000,0	Giữ nguyên	1.000			
-	Quý Thắng		500,0	Giữ nguyên	500			
-	Lãng Thôn			Quy hoạch mới	3.000			
-	Tân Sơn			Quy hoạch mới	8.000			
-	Giản Hiên		1.000,0	Giữ nguyên	1.000			
-	Quyết Thắng		1.000,0	Giữ nguyên	1.000			
-	Nhuệ Thôn		1.000,0	Giữ nguyên	1.000			
-	Phố Mới		500,0	Giữ nguyên	500			
3	Thao trường huấn luyện	Thôn Tân Sơn		Quy hoạch mới	64.200	1-3	≤40	
4	Cụm công nghiệp Vạn Thắng	Thôn Đông Tài		Quy hoạch mới	287.100	1-2	≤70	
5	Chùa Quyết Thắng	Thôn Quyết Thắng		Quy hoạch mới	1.200	1-3	≤30	

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

a. Hệ thống giao thông nội đồng: Hiện nay, toàn xã có 15,72 km đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó có 12,33 km đã được cứng hoá. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng các tuyến đường giao thông nội đồng đã bị hư hỏng, xuống cấp nhiều. Dự kiến đến năm 2030, nâng cấp tu bổ và xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng.

b. Hệ thống kênh mương, hồ đập, cầu cống: Thủy lợi là khâu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng.

Cơ bản giữ nguyên hệ thống kênh mương theo hiện trạng, kiên cố hóa, nâng cấp tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính của xã hiện còn là mương đất.

Trong giai đoạn quy hoạch đến năm 2030, dự kiến nâng cấp các tuyến kênh mương chính sau:

Định hướng phát triển hệ thống thủy lợi xã Vạn Thắng đến năm 2030

TT	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Quy hoạch
I	Hệ thống kênh chính	Km	10,45	
1	Kênh N1	Km	1,03	Nâng cấp
2	Kênh N3	Km	3,10	Nạo vét
3	Kênh C32	Km	1,31	Nâng cấp
4	Kênh tiêu dân quân	Km	1,90	Xây dựng mới
5	Kênh tưới Đồng Trại	Km	0,12	Nâng cấp
6	Kênh tưới Bàu Sen	Km	0,12	Nâng cấp
7	Kênh tiêu trường thôn	Km	1,00	Nạo vét
8	Kênh B2	Km	1,87	Sửa chữa
II	Kênh mương nội đồng	Km	42,50	Nâng cấp

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đối nội, cụ thể:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại.

* Quốc lộ 45: Đoạn qua địa bàn xã dài khoảng 3,9 km. Hướng tuyến được giữ nguyên, nâng cấp cải tạo đạt quy mô đường cấp III. Quy mô mặt cắt:

+ Lòng đường: 12,0m;

+ Hành lang bảo vệ đường bộ: 30,0 m (2 x 15,0 m);

+ Lộ giới: 42,0m.

* Đường nối Am Tiên - Bến En: Chiều dài 3.684m, mặt cắt:

+ Lòng đường: 12,0m;

+ Hành lang bảo vệ đường bộ: 30,0 m (2 x 15,0 m);

+ Lộ giới: 42,0 m.

* Đường huyện: Trên cơ sở tuân thủ định hướng quy hoạch giao thông huyện Nông Cống đã được phê duyệt, xây dựng mới 3 tuyến, hình thành một mạng lưới giao thông liên kết vùng hoàn chỉnh.

- Tuyến 1: Đường huyện ĐH-NC.09 từ xã Vạn Hoà đi xã Phú Nhuận (Nhu Thanh), chiều dài 1.541 m. Mặt cắt: Lòng đường 9,0 m; hành lang bảo vệ đường bộ 20m (2 x 10,0m); lộ giới 29,0 m.

- Tuyến 2: Đường nối QL45 (Vạn Thiện) đi TLM2, chiều dài 2.917m. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 5,0m; lộ giới 17,5m.

- Tuyến 3: Đường nối ĐH.NC 09-Trường bản Núi Lùng, chiều dài 978m, mặt cắt: Lòng đường 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 5,0m; lộ giới 17,5m.

- Tuyến 4: Đường nối ĐH-NC.09 đi QL45, chiều dài 1.525 m, mặt cắt: Lòng đường 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 5,0m; lộ giới 17,5m.

- Tuyến 5: Đường nối QL45 đi Như Thanh, chiều dài 1.689 m, mặt cắt: Lòng đường 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 5,0m; lộ giới 17,5m.

b. Đường giao thông đối nội:

* Đường xã:

Đầu tư xây dựng mới 01 tuyến đường:

- Đường nối tuyến QL45 đi Quỳ Thắng (ĐX.01), chiều dài 618m, mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5 m.

Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường sau:

- Tuyến 1: Đường nối QL45 đi Quỳ Thắng (ĐX.02), chiều dài 3.484 m, mặt cắt ngang như sau: Lòng đường 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5 m.

- Tuyến 2: Đường từ QL 45 đi Tân Sơn, chiều dài 1.290m, mặt cắt: Lòng đường 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5 m.

- Tuyến 3: Đường từ ngã 3 Tân Sơn đi Vạn Hoà, chiều dài 1.360m, mặt cắt: Lòng đường: 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 1,5 m; lộ giới 10,5m.

- Tuyến 4: Đường từ nhà ông Cảnh Lãng Thôn đến cây đa thôn Tân Sơn, chiều dài 787m, mặt cắt: Lòng đường 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới: 10,5m.

- Tuyến 5: Đường từ Cây Đa thôn Lãng Thôn đến Trường bản núi Lùng, chiều dài 2.375m, mặt cắt: Lòng đường 7,5 m; lề đường (via hè qua khu dân cư) 2

x 1,5 m; lộ giới 10,5m.

- Tuyến 6: từ Quốc Lộ 45 ra 3 trường có chiều dài 335 m, mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vía hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5m.

- Tuyến 7: Từ Quốc lộ 45 đi thôn Đông Tài có chiều dài 344m. Mặt cắt: Lòng đường 7,5 m; lề đường (vía hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5m.

- Tuyến 8: Từ Quốc lộ 45 đi thôn Ban Thọ có chiều dài 490m. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vía hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; Lộ giới 10,5m.

- Tuyến 9: Từ TBA Nhuệ Thôn đi NVH Nhuệ Thôn có chiều dài 272m. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vía hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5m.

- Tuyến 10: Đường đi từ QL 45 ra nhà văn hóa làng, chiều dài 310m. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vía hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5m.

- Tuyến 11: Đường đi từ QL 45 đến NVH thôn Giản Hiền, chiều dài 60m. Mặt cắt: Lòng đường 7,5m; lề đường (vía hè qua khu dân cư) 2 x 1,5m; lộ giới 10,5m.

* Nâng cấp các tuyến đường trục thôn: Lòng đường: 3,0- 4,0m; lề đường (vía hè qua khu dân cư) 1,0 x 2m; lộ giới: 5,0 – 7,0m.

6.2.2. Cấp điện.

Hiện trạng trên địa bàn xã có 08 trạm biến áp tổng công suất 2.350KVA, đến năm 2030 dân số là 9.750 người, nhu cầu sử dụng điện là 2.425 KVA, dự kiến nâng cấp các trạm biến áp như sau:

	Hiện trạng 2020	Quy hoạch 2030
❖ Trạm Đông Tài:	180 KVA	Nâng cấp lên 320KVA.
❖ Trạm Ban Thọ:	250 KVA	Giữ nguyên.
❖ Trạm Quỳ Thắng:	180 KVA	Nâng cấp lên 250KVA.
❖ Trạm Lãng Thôn:	250 KVA	Giữ nguyên.
❖ Trạm Tân Sơn 1 + 2:	430 KVA	Giữ nguyên.
❖ Trạm Giản Hiền	560 KVA	Giữ nguyên.
❖ Trạm Quyết Thắng:	250 KVA	Nâng cấp lên 320KVA
❖ Trạm Nhuệ Thôn:	250 KVA	Nâng cấp lên 320KVA

6.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 5 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile nằm tập trung ở các thôn Giản Hiền và Phố Mới. Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
- Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
- Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;
- Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

6.2.4. Hệ thống cấp nước.

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: Được lấy từ nhà máy nước có vị trí tại thôn Phố Mới.

- Trong giai đoạn tới cần đầu tư nâng cấp công suất Nhà máy nước hiện tại lên 2.200 m³/ngày đêm nhằm đảm bảo nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ nhân dân trong xã.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế hệ thống cấp nước chính từ trạm cấp nước theo các tuyến giao thông đi tới các thôn xóm trên toàn xã.

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước sạch cho tất cả các hộ dân sinh hoạt.

Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

Tiết diện đường ống chính: D300

Tiết diện đường ống phân phối: D200

Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước mặt:

Địa hình có độ dốc nghiêng dần theo hướng Bắc – Nam, chênh lệch cao độ tự nhiên khu vực dân cư từ 2 – 4m. Xã có điều kiện rất thuận lợi để tiêu thoát nước tự nhiên.

Phần lớn lưu lượng nước được thu gom về hệ thống sông Yên và các tuyến mương tiêu thoát trên địa bàn xã

Hệ thống thoát nước có các đường ống đặt ở hai bên vỉa hè theo tuyến đường quy hoạch, vị trí các hố ga đặt sát mép vỉa hè, khoảng cách các hố ga và giếng thăm là 30m. Các đường cũ được cải tạo mở rộng, nếu có mương tưới tiêu bên cạnh sẽ được di chuyển sang bên cạnh đường mới để giữ nguyên hướng tưới tiêu chính mà không ảnh hưởng tới các công trình khác. Tất cả các thiết bị của hệ thống thoát nước đều làm bằng bê tông cốt thép.

Riêng với khu trung tâm xã, hệ thống thoát nước làm bằng công tròn BTCT, chôn ngầm dưới đường giao thông của khu. Đối với các kênh mương có kích thước nhỏ tốt nhất lên thay bằng công hộp để dòng chảy ổn định hơn, tránh thấm

nước và phá vỡ hệ thống đường giao thông.

b. Thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Vạn Thắng sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

c. Quy hoạch nghĩa trang.

Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

Về lâu dài các nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường;

Định hướng trong kỳ quy hoạch sử dụng 6 nghĩa trang nhân dân chính tại các thôn; cách khu dân cư hiện hữu tối thiểu 300m; xây dựng quy chế quản lý và sử dụng các khu nghĩa trang để đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, an toàn và không gây ô nhiễm môi trường, không làm mất mỹ quan. Quy hoạch mở rộng các nghĩa trang như sau:

- Mở rộng nghĩa trang thôn Tân Sơn, diện tích mở rộng 0,31 ha;
- Mở rộng nghĩa trang khu Mã Phát, Đồng Thung, Vụ Đông, thôn Tân Sơn, Quyết Thắng, Đông Tài; diện tích mở rộng 1,59 ha.

7. Quy hoạch sử dụng đất.

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Nông Cống và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Bảng 1: Công trình, dự án theo phân kỳ giai đoạn sử dụng đất đến năm 2030

STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)	Giai đoạn thực hiện
I	ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM		2,00	
1	Dự án trồng rau sạch khu Đồng Cây Sơn	Thôn Giản Hiền	2,00	2021-2025
II	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC		13,27	
1	Quy hoạch trang trại tổng hợp khu Đồng Sâu	Thôn Lãng Thôn	1,71	2021-2025
2	Xây dựng các trang trại tổng hợp khu Đồng Ao	Thôn Quỳnh Thắng	1,97	2021-2025
3	Xây dựng các trang trại tổng hợp khu Cồn Đình	Thôn Lãng Thôn	4,79	2026-2030
4	Xây dựng trang trại tổng hợp khu Đồng Chợ Ngoài	Thôn Quyết Thắng	1,06	2021-2025

STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)	Giai đoạn thực hiện
6	Xây dựng trang trại tổng hợp khu Đồng Quyết Chiến	Thôn Quyết Thắng	3,74	2026-2030
III	ĐẤT QUỐC PHÒNG		6,42	
1	Quy hoạch khu Trường bắn, thao trường huấn luyện của huyện	Thôn Tân Sơn	6,42	2026-2030
IV	ĐẤT AN NINH		0,18	
1	Quy hoạch trụ sở công an xã	Thôn Giản Hiền	0,18	2021-2025
V	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP		28,71	
1	Cụm công nghiệp Vạn Thắng	Thôn Đông Tài	28,71	2026-2030
VI	ĐẤT Ở NÔNG THÔN		15,40	
1	Dự án khu dân cư nông thôn	Thôn Quyết Thắng	1,58	2021-2025
3	Quy hoạch dân cư	Thôn Đông Tài	1,41	2021-2025
4	Quy hoạch khu dân cư mới khu Đồng Lốc	Thôn Đông Tài	3,54	2026-2030
5	Điểm dân cư nông thôn khu Năm Tấn	Thôn Đông Tài	2,90	2026-2030
6	Điểm dân cư nông thôn	Thôn Quyết Thắng	5,98	2021-2025
VII	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ		2,28	
1	Cửa hàng nông sản sạch và cung cấp giống cây trồng Vạn Thắng	Thôn Giản Hiền	0,08	2021-2025
2	Đất thương mại dịch vụ khu Đồng Chợ Trong	Thôn Quyết Thắng	0,15	2021-2025
3	Đất thương mại dịch vụ phía Tây Chợ xã	Thôn Lãng Thôn	1,87	2026-2030
4	Xây dựng Trụ sở hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp	Thôn Giản Hiền	0,18	2021-2025
VIII	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH		22,84	
1	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh	Thôn Quyết Thắng, thôn Giản Hiền	20,00	2026-2030
2	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh khu Đồng Mạ	Thôn Quyết Thắng	0,3	2021-2025
3	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh	Thôn Đông Tài	0,54	2021-2025
IX	ĐẤT GIAO THÔNG		4,68	
1	Mở mới đường QL 45 đi thôn Quỳ Thắng		1,5	2021-2025
2	Mở mới đường QL 45 đi thôn Tân Sơn		1,08	2026-2030
3	Quy hoạch đường giao thông (từ nhà ông Cảnh Lãng Thôn đến cây đa thôn Tân Sơn)		0,8	2021-2025
4	Quy hoạch đường giao thông từ Cây Đa thôn Lãng Thôn đến Trường bắn núi Lùng (MR 6m tính từ mép đường cũ)		1,3	2026-2030
X	ĐẤT THUỶ LỢI		7,76	
1	Trục tiêu Dân Quân		7,76	2021-2025
XI	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG		2,15	
1	Dự án đường dây và trạm biến áp 110KV Bãi Trành tỉnh Thanh Hóa (đoạn huyện Nông Cống)		0,34	2021-2025
2	Dự án đường dây và trạm biến áp 110KV Bãi Trành tỉnh		0,18	2021-2025

STT	Tên dự án	Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)	Giai đoạn thực hiện
3	ĐZ và TBA 110kV Bãi Trành		0,54	2021-2025
4	Xây dựng trạm biếm áp và đường dây 110Kv Quảng Xương, Thanh Hoá(đoạn Nông Cống)		1,05	2021-2025
5	Chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện trung áp, hạ áp, các TBA; Đa chia đa nối xây dựng mạch vòng lưới điện trung áp, cải tạo nâng cao khả năng truyền tải điện các lộ xuất tuyến sau trạm 110kV		0,04	2021-2025
XII	ĐẤT CƠ SỞ VĂN HOÁ		0,40	
1	Quy hoạch nhà văn hoá khu Trước Làng	Thôn Tân Sơn	0,40	2021-2025
XIII	ĐẤT CƠ SỞ Y TẾ		1,00	
1	Quy hoạch phòng khám đa khoa	Thôn Giản Hiền	1,00	2026-2030
XIV	ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO		1,00	
1	Quy hoạch đất dành cho sự nghiệp giáo dục	Thôn Giản Hiền	1,00	2021-2025
XV	ĐẤT CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO		2,40	
1	Quy hoạch sân thể thao xã	Thôn Giản Hiền	1,30	2021-2025
2	Quy hoạch sân thể thao khu Đồng Nỗ Sôi	Thôn Tân Sơn	0,80	2021-2025
3	Quy hoạch sân thể thao khu Vụ Đông	Thôn Lãng Thôn	0,30	2021-2025
XVI	ĐẤT TÔN GIÁO		0,12	
1	Quy hoạch chùa Quyết Thắng	Thôn Quyết Thắng	0,12	2021-2025
XVII	ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA		1,9	
1	Quy hoạch nghĩa địa	Thôn Tân Sơn	0,31	2021-2025
2	Mở rộng nghĩa địa khu Mã Phát	Thôn Tân Sơn	0,68	2026-2030
	Mở rộng nghĩa địa khu Đồng Thùng	Thôn Quyết Thắng	0,45	2021-2025
	Mở rộng nghĩa địa khu Vụ Đông	Thôn Đông Tài	0,46	2026-2030
TỔNG			110,52	

Bảng 2: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch năm 2025		Quy hoạch năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		931,86	100,00	931,86	100,00	931,86	100,00
1	Đất nông nghiệp		610,16	65,48	584,47	62,72	520,00	55,80
1.1	Đất trồng lúa	LUA	390,64	41,92	360,34	38,67	296,43	31,81
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	57,75	6,20	59,08	6,34	54,89	5,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14,70	1,58	14,70	1,58	14,70	1,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	112,65	12,09	112,65	12,09	108,53	11,65
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6,97	0,75	5,51	0,59	5,51	0,59

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch năm 2025		Quy hoạch năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	27,45	2,95	32,19	3,45	39,94	4,29
2	Đất xây dựng		262,53	28,17	289,50	31,07	355,15	38,11
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	126,91	13,62	135,88	14,58	142,31	15,27
2.2	Đất công cộng		6,16	0,66	9,71	1,04	10,71	1,15
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,37	0,04	0,37	0,04	0,37	0,04
-	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	0,11	0,01	0,11	0,01	0,11	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	3,20	0,34	3,60	0,39	3,60	0,39
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH						
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,26	0,03	0,26	0,03	1,26	0,14
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,71	0,18	2,71	0,29	2,71	0,29
-	Đất chợ	DCH	0,43	0,05	0,43	0,05	0,43	0,05
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,07	0,01	2,22	0,24	2,22	0,24
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,01	0,00	0,01	0,00	0,01	0,00
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao		2,08	0,22	4,48	0,48	4,48	0,48
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,08	0,22	4,48	0,48	4,48	0,48
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV						
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền		0,82	0,09	0,94	0,10	0,94	0,10
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT						
-	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,82	0,09	0,94	0,10	0,94	0,10
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN						
2.5	Đất tiêu thụ công nghiệp và làng nghề		10,80	1,16	11,64	1,25	60,35	6,48
-	Đất khu công nghiệp	SKK						
-	Đất khu chế xuất	SKT						
-	Đất cụm công nghiệp	SKN					28,71	3,08
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,80	1,16	11,64	1,25	31,64	3,40
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng							
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX						
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác		0,20	0,02	0,61	0,07	2,48	0,27
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH						
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,20	0,02	0,61	0,07	2,48	0,27
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật		113,25	12,15	123,75	13,28	127,27	13,66

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch năm 2025		Quy hoạch năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất giao thông	DGT	80,32	8,62	82,62	8,87	85,00	9,12
-	Đất thủy lợi	DTL	17,30	1,86	25,06	2,69	25,06	2,69
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA						
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	15,62	1,68	16,06	1,72	17,20	1,85
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất							
2.10	Đất quốc phòng	CQP	2,30	0,25	2,30	0,25	6,42	0,69
2.11	Đất an ninh	CAN			0,18	0,02	0,18	0,02
3	Đất khác		59,17	6,35	57,89	6,21	56,71	6,09
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	41,66	4,47	41,66	4,47	41,66	4,47
3.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,90	0,31	2,76	0,30	2,66	0,29
3.3	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3.4	Đất chưa sử dụng	CSD	14,61	1,57	13,47	1,45	12,39	1,33

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật:

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội:

- Dự án xây dựng mới các công trình nhà văn hóa – thể dục thể thao thôn;
- Dự án Khu trung tâm văn hoá thể thao sân vận động xã;
- Dự án xây dựng trường học;
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy quân sự; Chợ;
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn.

8.3. Các dự án về sản xuất:

- Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ các khu vực sản xuất (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, môi trường,...)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Vạn Thắng tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Vạn Thắng và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lợi Đức